

Số: /VP-KTN
V/v xin ý kiến về việc cấp điều
chỉnh giấy phép môi trường
cho dự án Sản xuất lò hơi thu
hồi nhiệt HRSG

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh.

Ngày 07/01/2025, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 86/TTr-STNMT trình UBND tỉnh xem xét cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho dự án Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG; với các nội dung như sau:

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án đầu tư: Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam.
- Địa điểm hoạt động: Khu kinh tế Dung Quất, thôn Tuyệt Diêm 3, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Dự án Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023.

2. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cho Dự án Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG:

Điều chỉnh mạng lưới thu gom nước thải tại mục 1.1 phần B Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Nguồn nước thải	Nội dung được cấp Giấy phép	Nội dung xin điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến nguồn số 10) sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được dẫn về	Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến nguồn số 10) sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy có công suất thiết kế 160	Không thay đổi

	hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy có công suất thiết kế 160 m ³ /ngày đêm để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của Khu kinh tế Dung Quất	m ³ /ngày đêm để xử lý	
Nước thải công nghiệp			
Nước thải từ tháp làm mát trực tiếp máy Finning (nguồn số 11)	<i>Nước thải công nghiệp (từ nguồn số 11 đến nguồn số 15) được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của Khu kinh tế Dung Quất</i>	<i>Nước thải công nghiệp từ 03 tháp làm mát trực tiếp máy Finning (nguồn số 11) được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy đã có 02 tháp làm mát trực tiếp: 01 tháp cho máy Finning #1, #2 và 01 tháp cho máy Finning #3, #4. - Bổ sung thêm 01 tháp làm mát trực tiếp cho máy Finning #5. - Làm rõ số lượng tháp làm mát trực tiếp của nguồn số 11.
Nước thải từ tháp làm mát gián tiếp máy Finning (nguồn số 12)	<i>Nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của Khu kinh tế Dung Quất</i>	<i>Nước thải công nghiệp từ 03 tháp làm mát gián tiếp máy Finning (nguồn số 12) được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy đã có 02 tháp làm mát gián tiếp: 01 tháp cho máy Finning #1, #2 và 01 tháp cho máy Finning #3, #4. - Bổ sung thêm 01 tháp làm mát gián tiếp máy Finning #5. - Làm rõ số lượng tháp làm mát gián tiếp của nguồn số 12.
Nước thải từ bể chứa nước thử áp cho giàn Harp (nguồn số 13)	<i>Nước thải công nghiệp từ bể chứa nước thử áp cho giàn Harp (nguồn số 13) được thu gom theo đường ống riêng</i>	<i>Nước thải công nghiệp từ bể chứa nước thử áp cho giàn Harp (nguồn số 13) được thu gom theo đường ống riêng</i>	Làm rõ mạng lưới thu gom nước thải của nguồn số 13.

		<i>và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý</i>	
Nước thải từ ngưng tụ máy nén khí (nguồn số 14)		<i>Nước thải công nghiệp từ ngưng tụ máy nén khí (nguồn số 14) được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý</i>	Làm rõ mạng lưới thu gom nước thải của nguồn số 14.
Nước thải từ máy đánh bóng phòng thí nghiệm (nguồn số 15)		<i>Nước thải công nghiệp từ máy đánh bóng phòng thí nghiệm (nguồn số 15) được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy có công suất thiết kế 20 m³/ngày đêm để xử lý</i>	Làm rõ mạng lưới thu gom nước thải của nguồn số 15.

Điều chỉnh nội dung cấp phép bụi, khí thải tại Phần A và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại mục 1, mục 2 phần B của Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 18/GPMT-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

Hạng mục	Nội dung được cấp Giấy phép	Nội dung xin điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Phần A:			
1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải			
Nguồn phát sinh	<i>Có sáu (06) nguồn thải</i>	<i>Có bảy (07) nguồn thải</i>	Nhà máy đầu tư bổ sung thêm máy Finning #5 sẽ tăng thêm 01 nguồn phát sinh bụi từ quá trình chà nhám làm sạch ống tại máy Finning #5,
Nguồn số 01 đến nguồn số 06	Giữ nguyên, không điều chỉnh		
Nguồn số 07	Chưa đề cập	Bụi thải từ máy Finning #5	

			nguồn thải này có tính chất tương tự như nguồn số 1 đến số 4.
2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải			
2.1. Vị trí xả khí thải			
Vị trí xả khí thải	<i>Có sáu (06) dòng khí thải</i>	<i>Có bảy (07) dòng khí thải</i>	
Dòng khí thải số 01	X=586720; Y=1701888	X= 1701873; Y= 586724	- Thống nhất lại tọa độ X, Y của các dòng khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108 ^o , múi chiều 3 ^o). - Chuẩn xác lại tọa độ vị trí xả khí thải theo đúng thực tế của Nhà máy đã lắp đặt và đang hoạt động.
Dòng khí thải số 02	X=586723; Y=1701885	X= 1701875; Y= 586726	
Dòng khí thải số 03	X=585842; Y=1702631	X= 1701870; Y= 586726	
Dòng khí thải số 04	X=585208; Y=1701905	X= 1702043; Y= 586664	
Dòng khí thải số 05	X=585219; Y=1701685	X= 1702046; Y= 586663	
Dòng khí thải số 06	X=585283; Y=1702031	X= 1702053; Y= 586657	
Dòng khí thải số 07	Chưa đề cập	Ống thải thiết bị xử lý bụi Finning #5 (ứng với nguồn thải số 07) Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^o, múi chiều 3^o): X=1701830; Y = 586630.	Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám làm sạch ống tại máy Finning #5 được thu gom, xử lý tại thiết bị xử lý bụi Finning #5 công suất thiết kế 25 m ³ /phút (hệ thống số 07). Do đó sẽ có thêm 01 dòng khí thải từ ống thải thiết bị xử lý bụi Finning #5.
2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (cam kết của Công ty)			
Dòng khí thải số 01	80 m ³ /phút	80 m ³ /phút	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 02	80 m ³ /phút	80 m ³ /phút	Không điều chỉnh

Dòng khí thải số 03	100 m ³ /phút	70 m ³ /phút	Điều chỉnh giảm công suất sản xuất của máy Finning #3 và Finning #4 sau khi Công ty bổ sung thêm máy Finning #5 từ đó giảm hiệu suất hoạt động của thiết bị xử lý bụi. Hơn nữa, máy Finning #3 là máy cũ, đã hoạt động trên 15 năm nên hiệu suất tối đa của thiết bị chỉ đạt khoảng 70% công suất.
Dòng khí thải số 04	75 m ³ /phút	75 m ³ /phút	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 05	1.600 m ³ /phút	1.600 m ³ /phút	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 06	1.600 m ³ /phút	1.600 m ³ /phút	Không điều chỉnh
Dòng khí thải số 07	Chưa đề cập	25 m³/phút	Bổ sung 01 thiết bị xử lý bụi Finning #5 với công suất 25 m ³ /phút.
Tổng lưu lượng thải	3.535 m³/phút	3.530 m³/phút	Điều chỉnh giảm lưu lượng xả khí thải lớn nhất.
2.2.1. Phương thức xả khí thải	Xả khí thải liên tục khi Nhà máy hoạt động		Không thay đổi
2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:	Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT (<i>cột B, Kp = 1, Kv = 1</i>) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với	Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT (<i>cột B, Kp = 0,8, Kv = 1</i>) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với	Điều chỉnh hệ số Kp tương ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở, lưu lượng xả thải lớn nhất 3.530 m ³ /phút ~ 211.800 m ³ /giờ

	bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ	bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ	(P>100.000, hệ số Kp=0,8).
Dòng khí thải số 01 đến dòng khí thải số 05	Bụi tổng: 200 mg/Nm³	Bụi tổng: 160 mg/Nm³	
Dòng khí thải số 06	Bụi tổng: 200 mg/Nm³ Kẽm và hợp chất: 30 mg/Nm ³ Toluen: 750 mg/Nm ³ Xylene: 870 mg/Nm ³ Metanol: 260 mg/Nm ³ Etylbenzen: 870 mg/Nm ³	Bụi tổng: 160 mg/Nm³ Kẽm và hợp chất: 30 mg/Nm ³ Toluen: 750 mg/Nm ³ Xylene: 870 mg/Nm ³ Metanol: 260 mg/Nm ³ Etylbenzen: 870 mg/Nm ³	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 0,8, Kv = 1)
Dòng khí thải số 07	Chưa đề cập	- Bụi tổng: 160 mg/Nm³ - Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng. - Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần. - Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng	Bổ sung 01 thiết bị xử lý bụi Finning #5
Phần B			
1.1 Mạng lưới thu gom khí thải			
Nguồn số 01 đến nguồn số 06	Giữ nguyên, không điều chỉnh		
Nguồn số 07	Chưa đề cập	Bụi phát sinh từ máy Finning #5 được đưa về thiết bị xử lý bụi (hệ thống số 07) để xử lý.	Bổ sung thêm công trình thu gom và thiết bị xử lý bụi cho máy Finning #5
1.2.1. Thiết bị xử lý bụi cho máy Finning			
Công suất	02 thiết bị với công	02 thiết bị với công	Bụi phát sinh từ

thiết kế	suất 80m ³ /phút và 01 thiết bị với công suất 100m ³ /phút	suất 80m ³ /phút, 01 thiết bị với công suất 100m ³ /phút và 01 thiết bị với công suất 25 m³/phút.	quá trình chà nhám làm sạch ống tại máy Finning #5 được thu gom đưa về thiết bị xử lý bụi công suất 25 m ³ /phút (hệ thống số 07) để xử lý.
Công nghệ xử lý	- Xử lý bụi bằng công nghệ lọc bụi túi. - Quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám làm sạch ống (nguồn số 01 đến 04) → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc bụi túi Bag filter theo hướng từ dưới lên và tiếp xúc với túi lọc → Thoát ra ngoài ống xả ra môi trường.	- Xử lý bụi bằng công nghệ lọc bụi túi. - Quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám làm sạch ống (từ nguồn số 01 đến 04 và nguồn số 07) → Đường ống thu gom → Thiết bị lọc bụi túi Bag filter theo hướng từ dưới lên và tiếp xúc với túi lọc → Thoát ra ngoài ống xả ra môi trường.	
2. Bổ sung kế hoạch vận hành thử nghiệm			
Hệ thống số 07	Chưa đề cập	<p>- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành lắp đặt máy Finning #5 và công trình thu gom xử lý bụi đi kèm, dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ quý II/2025 và kết thúc trong quý III/2025.</p> <p>- Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả của công trình xử lý:</p> <p>+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, tại ống thải thiết bị xử lý bụi Finning #5, tọa độ: X = 1701830; Y = 586630.</p> <p>+ Thông số quan trắc: Lưu lượng và bụi tổng.</p> <p>+ Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu đơn, lấy 3</p>	<p>- Vận hành thử nghiệm công trình thu gom xử lý bụi của máy Finning # 5 trước khi vận hành chính thức.</p> <p>- Tần suất quan trắc: Theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Công ty thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm (theo Mẫu số 43 – Phụ lục II kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) cho cơ quan cấp giấy phép môi trường theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số</p>

		<p><i>mẫu trong 03 ngày liên tiếp ở giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất.</i></p> <p>+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, (cột B, Kp = 0,8, Kv = 1).</p>	08/2022/NĐ-CP.
--	--	---	----------------

Nội dung Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cho dự án Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh và chỉ đạo của Phó Chủ tịch Trần Phước Hiền UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh trân trọng gửi đến Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các Ủy viên UBND tỉnh Tờ trình và dự thảo Quyết định về nội dung nêu trên để xin ý kiến Thành viên UBND tỉnh.

Kính đề nghị Thành viên UBND tỉnh xem xét, có ý kiến theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình nêu trên (*có Mẫu Phiếu ghi ý kiến kèm theo*) và **gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 11/01/2025** để tổng hợp, tham mưu Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phước Hiền thay mặt UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: PCVP, TTHC;
- Lưu: VT, KTN21.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Phước Bình

**PHIẾU GHI Ý KIẾN
THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

1. Tóm tắt nội dung lấy ý kiến biểu quyết

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho dự án Sản xuất lò hơi thu hồi nhiệt HRSG theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 86/TTr-STNMT ngày 07/01/2025.

2. Ý kiến tham gia về nội dung của văn bản lấy ý kiến (*ghi trực tiếp vào văn bản này, nếu tham gia nhiều thì gửi kèm theo tờ rơi về nội dung ý kiến*)

.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh (*đánh dấu X vào ô chọn*)

- a) Đồng ý
- b) Không đồng ý

Lý do:

.....

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2025

THÀNH VIÊN UBND TỈNH
(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)